

Số: *74* /2017/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày *20* tháng *12* năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định kỹ thuật về lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định kỹ thuật về lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ của cả nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

Chương II

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT LẬP QUY HOẠCH

Điều 3. Xây dựng Thuyết minh đề cương dự án lập quy hoạch

1. Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng về thông tin, dữ liệu tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các địa phương có biển, để làm cơ sở cho việc xây dựng

thuyết minh và lập dự toán chi tiết dự án; xác định các nội dung, thông tin cần điều tra, khảo sát, đo đạc bổ sung; về nguồn nhân lực, trang thiết bị của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển để xác định mức độ hay khả năng tham gia của các địa phương trong quá trình thực hiện việc lập quy hoạch.

2. Xây dựng nội dung và lập dự toán chi tiết Thuyết minh đề cương dự án lập quy hoạch.

Điều 4. Thu thập thông tin, dữ liệu và điều tra, khảo sát bổ sung

1. Thu thập thông tin, dữ liệu

a) Các thông tin, dữ liệu cần thu thập để lập quy hoạch bao gồm thông tin, dữ liệu về địa chất, địa hình, địa mạo, khí tượng, thủy hải văn; tài nguyên; môi trường, sự cố môi trường, thiên tai và các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; kinh tế - xã hội; nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên, các quy hoạch, kế hoạch liên quan theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thông tin, dữ liệu thu thập phải bảo đảm độ tin cậy, có tính chính xác cao và đã được công nhận về mặt pháp lý;

c) Nguồn thông tin, dữ liệu bao gồm từ các niên giám thống kê do Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành; các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển cung cấp; các chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước đã được nghiệm thu và công bố; ảnh viễn thám hoặc ảnh hàng không; các nguồn khác.

2. Điều tra, khảo sát bổ sung

Căn cứ vào nhu cầu thông tin, dữ liệu phục vụ lập quy hoạch và trên cơ sở các thông tin, dữ liệu đã thu thập được, đơn vị chủ trì lập quy hoạch xác định những thông tin, dữ liệu còn thiếu và tổ chức điều tra, khảo sát bổ sung.

Điều 5. Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường vùng bờ

1. Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên vùng bờ

a) Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên vùng bờ bao gồm phân tích, đánh giá các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí tượng, thủy hải văn vùng bờ theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kết quả phân tích, đánh giá phải xác định được các đặc điểm đặc trưng của mỗi vùng, sự khác biệt giữa các vùng ở vùng bờ về điều kiện tự nhiên.

2. Phân tích, đánh giá về tài nguyên và môi trường vùng bờ

a) Phân tích, đánh giá về các tài nguyên vùng bờ bao gồm tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, dầu khí, tính đa dạng

sinh học, các hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển, khu bảo tồn, vườn quốc gia, các di sản, giá trị văn hóa - lịch sử và các loại tài nguyên khác ở vùng bờ;

b) Phân tích, đánh giá về môi trường (đất, nước, không khí, các điểm nóng ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường) và xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ;

c) Kết quả phân tích, đánh giá phải xác định được vị trí phân bố, diện tích, trữ lượng, thực trạng khai thác và quản lý, tính đa dạng sinh học (nếu có); các vấn đề tài nguyên, môi trường; xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ.

3. Xây dựng bản đồ chuyên đề về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên vùng bờ

a) Bản đồ chuyên đề phải thể hiện rõ được các đặc điểm đặc trưng, sự khác biệt giữa các vùng về điều kiện tự nhiên ở vùng bờ; hiện trạng phân bố của các loại tài nguyên ở vùng bờ trên bản đồ;

b) Bản đồ chuyên đề có tỷ lệ là 1:50.000, được xây dựng dưới dạng cơ sở dữ liệu bản đồ trên nền bản đồ địa hình và bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000 hệ toạ độ quốc gia VN-2000;

c) Các ký hiệu, chú giải, ghi chú trên bản đồ được thực hiện theo các văn bản pháp luật và quy định hiện hành có liên quan đến kỹ thuật bản đồ.

Điều 6. Phân tích, đánh giá đặc điểm về kinh tế - xã hội vùng bờ

1. Phân tích, đánh giá về đặc điểm kinh tế - xã hội vùng bờ bao gồm dân số, lao động, giới tính, văn hóa, tôn giáo, dân tộc, cơ cấu các ngành kinh tế, sinh kế và các đặc điểm khác.

2. Kết quả phân tích, đánh giá phải xác định được các đặc điểm đặc trưng về kinh tế - xã hội tại mỗi địa phương, mỗi vùng cụ thể ở vùng bờ.

Điều 7. Phân tích, đánh giá hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ

1. Phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ

a) Phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của các ngành, các địa phương ven biển phục vụ nhu cầu phát triển bao gồm cơ sở hạ tầng; du lịch; công nghiệp; nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; giao thông vận tải; cảng và dịch vụ cảng; năng lượng; bảo tồn, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, sinh cảnh và đa dạng sinh học; quốc phòng - an ninh; các hoạt động khác;

b) Kết quả phân tích, đánh giá phải xác định được hiện trạng khai thác, sử dụng các loại tài nguyên vùng bờ của các ngành, các địa phương ven biển phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; những vấn đề tài nguyên, môi trường ở

vùng bờ do việc khai thác, sử dụng tài nguyên của các ngành, các địa phương gây ra.

2. Phân tích, đánh giá về nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ

a) Phân tích, đánh giá nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của các ngành, các địa phương ven biển phục vụ phát triển bao gồm cơ sở hạ tầng; du lịch; công nghiệp; nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; giao thông vận tải; cảng và dịch vụ cảng; năng lượng; bảo tồn, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, sinh cảnh và đa dạng sinh học; quốc phòng - an ninh;

b) Nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ của các ngành, các địa phương ven biển được phân tích, đánh giá dựa trên chủ trương, định hướng, quy hoạch tổng thể, chiến lược phát triển về kinh tế - xã hội của quốc gia; chiến lược biển Việt Nam; quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển của các ngành kinh tế; quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển; các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược bảo tồn, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; các quy hoạch, kế hoạch có liên quan khác.

3. Xây dựng bản đồ chuyên đề về hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ

a) Bản đồ có tỷ lệ là 1:50.000 và được xây dựng dưới dạng cơ sở dữ liệu bản đồ;

b) Các yêu cầu về bản đồ nền, các ký hiệu, chú giải, ghi chú trên bản đồ theo quy định tại Điểm b và c Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

Điều 8. Phân tích, đánh giá tính dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến vùng bờ

1. Phân tích, đánh giá thực trạng: xâm nhập mặn; ngập lụt; xói lở, bồi lắng ở vùng bờ.

2. Tổng hợp, xử lý các thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán, đánh giá tính dễ bị tổn thương do xâm nhập mặn; ngập lụt; xói lở, bồi lắng đến vùng bờ dưới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến vùng bờ.

3. Thiết lập mô hình toán phục vụ việc tính xâm nhập mặn; ngập lụt; xói lở, bồi lắng ở vùng bờ.

4. Hiệu chỉnh, kiểm định mô hình toán phục vụ việc tính xâm nhập mặn; ngập lụt; xói lở, bồi lắng ở vùng bờ.

5. Thiết lập các bài toán, tính toán và đánh giá tính dễ bị tổn thương do xâm nhập mặn; ngập lụt; xói lở, bồi lắng đến vùng bờ.

6. Dự báo về tính dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến vùng bờ.

Điều 9. Phân tích, đánh giá về thể chế, chính sách hiện hành liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ

1. Phân tích, đánh giá về chính sách, pháp luật và tổ chức, bộ máy hiện hành liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ bao gồm các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, quyết định, thông tư, các văn bản dưới luật khác; các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết có liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

2. Kết quả phân tích, đánh giá phải xác định những quy định còn thiếu, chồng chéo, chưa phù hợp giữa các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 10. Phân vùng chức năng vùng bờ

1. Phương pháp phân vùng chức năng vùng bờ

a) Vùng bờ được phân vùng theo các chức năng tự nhiên trên cơ sở phân tích, đánh giá về các điều kiện tự nhiên; các tài nguyên thiên nhiên sẵn có ở vùng bờ; các tài nguyên vị thế, tiềm năng, lợi thế của vùng bờ đối với phát triển kinh tế - xã hội, các yêu cầu quốc phòng - an ninh;

b) Các vùng chức năng của vùng bờ được phân theo phương pháp chia lưới, cho điểm ô lưới theo trọng số bằng phần mềm GIS có bản quyền.

2. Tiêu chí phân vùng chức năng vùng bờ

a) Có sự đồng nhất, tính đặc trưng về điều kiện tự nhiên;

b) Có các hệ sinh thái quan trọng với tính đa dạng sinh học cao, là nơi tập trung của nhiều loài đặc hữu, quý, hiếm ưu tiên bảo vệ;

c) Có các di sản là di tích văn hóa, lịch sử cần phải được bảo vệ, bảo tồn;

d) Có vị thế, tiềm năng, lợi thế cho khai thác phát triển các ngành kinh tế;

đ) Có vị thế, tiềm năng, lợi thế cho quốc phòng - an ninh.

3. Vùng chức năng bao gồm các loại vùng: vùng có các hệ sinh thái quan trọng, có tính đa dạng sinh học cần được bảo vệ, bảo tồn; vùng giàu tiềm năng, lợi thế cho khai thác phát triển các ngành kinh tế biển: du lịch, công nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, cảng và dịch vụ cảng, năng lượng, các hoạt động khác.

4. Xây dựng bản đồ phân vùng chức năng vùng bờ

a) Bản đồ phân vùng chức năng vùng bờ có tỷ lệ là 1:50.000;